

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| A. MỤC ĐÍCH, SỰ CẦN THIẾT | 2 |
| I. Sự cần thiết | 2 |
| II. Mục đích của đề tài..... | 3 |
| B. PHẠM VI TRIỂN KHAI..... | 4 |
| C. NỘI DUNG..... | 5 |
| I. Thực trạng vấn đề..... | 5 |
| 1. Thực trạng | 5 |
| 2. Nguyên nhân | 10 |
| 2.1. Nguyên nhân dẫn đến học sinh cá biệt | 10 |
| 2.1.1. Nguyên nhân từ bản thân, gia đình, xã hội | 10 |
| 2.1.2. Nguyên nhân từ phía giáo viên bộ môn | 10 |
| 2.1.3. Nguyên nhân từ phái giáo viên chủ nhiệm | 10 |
| 2.2. Học sinh cá biệt thường có các biểu hiện sau | 11 |
| II. Các giải pháp | 12 |
| 1. Đối với công tác chủ nhiệm | 12 |
| 1.1. Công tác tổ chức lớp..... | 12 |
| 1.1.1. Xếp chỗ ngồi..... | 13 |
| 1.1.2. Bầu Ban cán sự (BCS) lớp..... | 13 |
| 1.1.3. Xây dựng nội quy lớp..... | 13 |
| 1.2. Tiến hành khảo sát học sinh (Có minh chứng kèm theo) | 15 |
| 1.3. Tiếp xúc với cha mẹ học sinh..... | 16 |
| 1.4. Tìm hiểu mối quan hệ bè bạn của học sinh | 17 |
| 1.5. Phân loại học sinh cá biệt | 17 |
| 2. Giáo dục học sinh cá biệt bằng biện pháp giáo dục đạo đức | 19 |
| 2.1. Đặt vấn đề..... | 19 |
| 2.2. Một số biện pháp giáo dục học sinh cá biệt bằng tình cảm..... | 20 |
| 3. Công tác liên kết với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh | 23 |
| 4. Giao nhiệm vụ cho học sinh..... | 24 |
| 5. Rèn luyện học sinh tính trung thực..... | 25 |
| 6. Tổ chức giờ sinh hoạt | 25 |
| III. Khả năng áp dụng của giải pháp | 28 |
| IV. Hiệu quả lợi ích thu được | 28 |
| 1. Đối với từng học sinh cá biệt cụ thể của lớp..... | 29 |
| 2. Đối với tập thể lớp (Có minh chứng kèm theo) | 30 |
| V. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp | 30 |
| VII. Kiến nghị, đề xuất | 30 |
| 1. Đối với nhà trường..... | 30 |
| 2. Đối với Sở giáo dục và đào tạo | 31 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 32 |

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC HỌC SINH CÁ BIỆT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Tác giả: Vi Thị Loan
Giáo viên THPT Thị xã Mường lay

A. MỤC ĐÍCH, SỰ CẦN THIẾT

I. Sự cần thiết

Ở trường phổ thông nói chung, trường THPT nói riêng, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) lớp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho học sinh. Để thực hiện được chức năng quản lí giáo dục toàn diện này GVCN phải có những tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học và phải có hàng loạt kỹ năng sư phạm như: kỹ năng tiếp cận đối tượng học sinh, kỹ năng nghiên cứu tâm lí lứa tuổi, xã hội, kỹ năng đánh giá, kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm lớp và phải có nhạy cảm sư phạm để có dự đoán đúng, chính xác sự phát triển nhân cách của học sinh....., định hướng và giúp đỡ các em lường trước những khó khăn, thuận lợi, vạch ra những dự định để chúng tự hoàn thiện về mọi mặt.

Giáo viên là những người được đào tạo về kiến thức, về nghiệp vụ chuyên môn đồng thời còn được trang bị đầy đủ kỹ năng trong việc giáo dục nhân cách học sinh nhất là thông qua công tác chủ nhiệm nhằm giúp học sinh phát triển một cách toàn diện. Mặc dù đã được đào tạo kỹ lưỡng, nhưng mỗi giáo viên có năng khiếu, sở trường riêng, về chuyên môn phần lớn đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nhưng về kỹ năng quản lí, giáo dục học sinh trong công tác chủ nhiệm thì chắc không phải ai cũng làm tốt. Mặt khác về lý luận cũng như trên thực tế chưa có sự nghiên cứu đầy đủ để tạo ra sự định hướng thống nhất cho công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT vì vậy hiệu quả hoạt động của GVCN lớp còn bị hạn chế.

Thực tế nhà trường trong những năm qua, nhiều giáo viên còn gặp khó khăn trong công tác chủ nhiệm. Do đặc thù của địa phương nên học sinh không được thi tuyển đầu vào, nên lượng học sinh vào học tại trường có một số đối tượng không

ngang bằng nhau về học lực lẫn hạnh kiểm. Đặc biệt là đối với học sinh khối lớp 10 sau một thời gian học theo học tại trường mới nổi trội lên những học sinh yếu, kém về học lực. Từ đó những học sinh này có những biểu hiện sa sút về học lực lẫn hạnh kiểm do nhiều nguyên nhân tác động đã dẫn đến tình trạng như thường xuyên không thuộc bài, không làm bài tập, bỏ học, trốn tiết, đi chơi game, không chấp hành nội quy nề nếp trường lớp, gọi chung là học sinh cá biệt... từ đó dẫn đến các tiêu cực khác...

Từ thực tiễn của nhà trường, trong những năm qua bản thân tôi đã từng làm công tác chủ nhiệm, làm Bí thư Đoàn trường. Đặc biệt trong năm học này, tôi được tiếp nhận làm giáo viên chủ nhiệm lớp 11B2 là một trong những lớp có tỉ lệ học sinh cá biệt nhiều, đối tượng học sinh phong phú. Đối tượng học sinh cá biệt của mỗi lớp không nhiều trung bình chỉ chiếm khoảng 5%/lớp. Nhưng đối với giáo viên chủ nhiệm đây là vấn đề gây không ít khó khăn trong công tác quản lý lớp, không khéo sẽ làm ảnh hưởng đến những học sinh khác, nhất là đối với giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của nhà trường. Trong năm học qua nhà trường có một số học sinh rơi vào trường hợp “*học sinh cá biệt*”, trong đó đáng nói nhất là có cả học sinh bị đưa ra Hội đồng kỷ luật nhà trường, kết quả có học sinh phải đình chỉ học tập một năm do hình thức vi phạm nặng, có những học sinh phải rèn luyện hạnh kiểm trong hè.

Với những lý do trên, bằng những kinh nghiệm tích lũy của bản thân, tôi viết sáng kiến kinh nghiệm với đề tài “*Một số giải pháp giáo dục học sinh cá biệt của giáo viên chủ nhiệm*”, với đề tài này hy vọng ít nhiều sẽ góp tiếng nói riêng, chia sẻ với các thầy cô trong công tác chủ nhiệm lớp, củng cố thêm cho công tác chủ nhiệm trong những năm học tới.

II. Mục đích của đề tài

Với đề tài nêu trên, bản thân tôi muốn làm thế nào để giúp cho những học sinh cá biệt từng bước thay đổi thái độ của mình trong học tập theo hướng tích cực.

Giúp các em biết tự tôn trọng bản thân mình và xác định được việc học sẽ phục vụ chính bản thân các em và tạo điều kiện để giúp đỡ gia đình, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Giúp các em thấy được công lao to lớn của các bậc làm cha, làm mẹ nuôi con ăn học; sự vất vả của các thầy cô trong việc truyền đạt tri thức và giáo dục nhân cách, kỹ năng sống cho các em. Từ đó các em biết mình sẽ làm gì để thay những lời tri ân đầy ý nghĩa.

Bên cạnh đó, phân nào giúp cho các thầy cô quan tâm hơn về vai trò, trách nhiệm của mình đối với nghề nghiệp, đặc biệt là trong công tác chủ nhiệm. Nghề dạy học là một nghề thiêng liêng cao cả, không phải ai cũng làm được như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói *“Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý”*. Đồng thời giúp cho một số ít thầy cô xóa đi tư tưởng kỳ thị, phân biệt đối với những học sinh không ngoan mà phải xác định *“tất cả vì học sinh thân yêu”* để góp phần xây dựng môi trường học tập *“Trường học thân thiện, học sinh tích cực”*.

B. PHẠM VI TRIỂN KHAI

Trong đề tài này tôi chỉ nghiên cứu về thực trạng của trường THPT Thị xã Mường Lay trong năm qua, đặc biệt là tại lớp 11B2 năm học 2014 – 2015 để áp dụng cho năm học tới .

Đối tượng nghiên cứu của đề tài một số giải pháp giáo dục học sinh cá biệt của giáo viên chủ nhiệm trong trường THPT Thị xã Mường Lay.

C. NỘI DUNG

I. Thực trạng vấn đề

1. Thực trạng

Học sinh cá biệt trường nào cũng có. Học sinh cá biệt không nhiều, song lại là “lực cản” rất lớn trong công tác giáo dục, chủ nhiệm của giáo viên. Theo thống kê trong báo cáo tổng kết năm học 2013 – 2014 kết quả giáo dục của trường THPT Thị xã Mường Lay như sau:

+ Học lực: Giỏi: $10/347 = 2,9\%$; Khá: $108/347 = 31,2\%$

TB: $150/347 = 43,2\%$; Yếu: $77/347 = 22,1\%$; Kém: $02/347 = 0,6\%$.

+ Hạnh kiểm: Tốt: $165/347 = 47,6\%$; Khá: $115/347 = 33,1\%$

TB: $57/347 = 16,4\%$; **Yếu: $10/347 = 2,9\%$.**

Trong đó, kết quả hai mặt giáo dục của khối 10 năm học 2013 – 2014 là

+ Học lực: Giỏi: $2/125 = 1,6\%$; Khá: $8/125 = 6,4\%$

TB: $53/125 = 42,4\%$; Yếu: $46/125 = 36,8\%$; Kém: $01/125 = 0,8\%$.

+ Hạnh kiểm: Tốt: $35/125 = 28,2\%$; Khá: $56/125 = 44,8\%$

TB: $25/125 = 20,1\%$; **Yếu: $06/125 = 4,8\%$.**

Và kết quả hai mặt giáo dục của lớp 10A2 năm học 2013 – 2014:

+ Học lực: Giỏi: 0; Khá: $3/32 = 9,4\%$

TB: $15/32 = 46,9\%$; Yếu: $14/32 = 43,7\%$; Kém: 0.

+ Hạnh kiểm: Tốt: $08/32 = 25\%$; Khá: $15/32 = 46,9\%$

TB: $08/32 = 25\%$; **Yếu: $01/32 = 3,1\%$.**

Đặc điểm tình hình lớp 11b2 năm học 2014 – 2015.

| T | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Dân tộc | Đoàn | Ghi chú |
|---|-------------|------------|-----------|---------|------|------------------------------------|
| 1 | Lò Tuấn Anh | 20/11/1998 | Nam | Thái | | Nhận thức tốt, ý thức phấn đấu tốt |
| 2 | Lò Văn Bằng | 5/13/1998 | Nam | Thái | | Nhận thức được, |

| | | | | | | |
|----|--------------------|------------|-----|------|---|---|
| | | | | | | học trợ xa nhà |
| 3 | Mào Thị Dương | 1/1/1998 | Nữ | Thái | | Ham chơi, không gương mẫu, xa đà vào yêu đương |
| 4 | Mai Hải Dương | 29/07/1998 | Nam | Kinh | | Bố nghiện rượu, gia đình thiếu hạnh phúc, mẹ bệnh |
| 5 | Sìn Văn Dưỡng | 7/14/1998 | Nam | Thái | X | Gia đình khó khăn, anh chị nuôi ăn học, nhận thức yếu, ý thức rèn luyện chưa cao |
| 6 | Giàng Văn Đạt | 24/12/1998 | Nam | Thái | | Ham chơi điện tử |
| 7 | Mào Văn Đạt | 12/18/1997 | Nam | Cống | | Dân tộc thiểu số, bố mất hưởng trợ cấp xã hội. Nhận thức yếu, ham điện tử |
| 8 | Lò Văn Hải | 7/3/1998 | Nam | Thái | | Ham chơi điện tử, năng lực nhận thức được, thiếu ý thức tự giác. Rèn luyện đạo đức trong hè |
| 9 | Nguyễn Thanh Hoàng | 12/8/1998 | Nam | Kinh | | Gia đình không hòa thuận, nhận thức được, không có ý thức phấn đấu trong học tập |
| 10 | Phạm Thị Khánh | 14/10/1998 | Nữ | Kinh | | Bố mẹ bỏ nhau, mẹ không quản |

| | | | | | | |
|----|----------------------|------------|-----|------|--|--|
| | Huyền | | | | | lý được con, hay cãi lời mẹ, bỏ đi chơi đêm |
| 11 | Lò Văn Huỳnh | 15/08/1998 | Nam | Thái | | Nữ tính, thiếu mạnh mẽ |
| 12 | Trần Thị Thanh Hương | 21/10/1998 | Nữ | Kinh | | Nghịch ngâm, đứng đầu nhóm nữ của lớp |
| 13 | Lò Thị Hường | 18/07/1998 | Nữ | Thái | | Thiếu ý thức rèn luyện, không tham gia các hoạt động chung của lớp |
| 14 | Bùi Trung Kiên | 16/01/1998 | Nam | Kinh | | Hiếu động, ham điện tử |
| 15 | Điêu Thanh Lam | 7/7/1998 | Nữ | Thái | | Tính cách trai lý, ương bướng |
| 16 | Điêu Duy Lực | 7/10/1998 | Nam | Thái | | Hiếu động, thường phát ngôn thiếu suy nghĩ, ham điện tử |
| 17 | Điêu Thị Nghĩa | 17/09/1998 | Nữ | Thái | | Nhận thức chậm, bản tính hiền lành |
| 18 | Vì Văn Nghĩa | 7/8/1998 | Nam | Thái | | Nhận thức được, học trọ xa nhà |
| 19 | Sìn Văn Nghĩa | 12/1/1998 | Nam | Thái | | |
| 20 | Tòng Thị Oanh | 16/04/1998 | Nữ | Thái | | Trầm tính, ý thức rèn luyện chưa cao |
| 21 | Nùng Thị Sinh | 26/11/1998 | Nữ | Thái | | Thiếu trung thực, ham chơi |
| 22 | Phạm Hoàng Sơn | 5/12/1997 | Nam | Kinh | | Nghịch ngâm, gia đình không |

| | | | | | | |
|----|---------------|------------|-----|--------|---|--|
| | | | | | | quản lý được, chưa có ý thức trong học tập, nhận thức được |
| 23 | Giàng A Sùng | 3/2/1998 | Nam | H Mông | | Hộ nghèo, năng lực học tập yếu kém. Học sinh nội trú |
| 24 | Lò Văn Thắng | 15/08/1998 | Nam | Thái | | Gia đình thu nhập thấp |
| 25 | Sùng A Thắng | 12/7/1997 | Nam | H Mông | | Năng lực học tập yếu kém, ít giao lưu với bạn bè. Học sinh nội trú |
| 26 | Lâm Đức Thuận | 7/12/1996 | Nam | Thái | | Năng lực nhận thức yếu kém. Không tham gia các hoạt động của lớp |
| 27 | Ly A Tính | 10/7/1998 | Nam | H Mông | | Hộ nghèo, năng lực học tập yếu kém, ở nội trú |
| 28 | Sùng A Tủa | 12/13/1997 | Nam | H Mông | X | Hộ nghèo, nhận thức tạm được, ở nội trú |
| 29 | Lò Anh Tuấn | 20/11/1998 | Nam | Thái | | An hem sinh đôi học cùng lớp, nhận thức được |
| 30 | Phạm Anh Tuấn | 30/4/1997 | Nam | Kinh | | Bố vướng tệ nạn xã hội, mẹ không quản lý được, giao du xã hội nhiều, ý thức yếu. Không tham gia các hoạt động chung. Lru |

| | | | | | | |
|----|---------------|------------|----|------|---|--|
| | | | | | | ban |
| 31 | Lò Kim Tuyên | 10/12/1998 | Nữ | Thái | X | Mới chuyển về ham chơi, ko vâng lời bố mẹ, mải điện tử. |
| 32 | Sìn Thanh Vân | 21/05/1998 | Nữ | Thái | | Trầm tính, thường xuyên không học bài, làm bài trước khi đến lớp |

THÔNG TIN CHUNG

Tổng số học sinh: 32. Trong đó:

Nữ: 10;

Dân tộc: 25;

Nữ dân tộc: 09;

Đoàn viên : 03;

Học sinh nội trú : 04;

Học sinh bán trú : 05;

Hộ nghèo: 04.

Giáo dục học sinh cá biệt là cả một quá trình rất cần sự kiên trì, sáng tạo của người giáo viên chủ nhiệm. Mỗi trường hợp học sinh cá biệt, người giáo viên chủ nhiệm sẽ có những cách giải quyết riêng, cụ thể. Dù theo cách nào thì cũng cần sự tìm hiểu kỹ lưỡng, sâu sắc học sinh để từ đó có phương pháp giáo dục phù hợp. Nói theo cách của thầy thuốc: Thầy phải “*chẩn*” đúng bệnh, dùng loại thuốc “*đặc trị*” phù hợp mới cứu được con bệnh. Với công tác chủ nhiệm, việc phân loại được học sinh trong lớp để nắm được em nào là học sinh cá biệt. Sau đó, tìm hiểu nguyên nhân dẫn học sinh trở thành cá biệt là việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết. Sau khi đã phân loại được học sinh cá biệt, biết em đó thuộc loại cá biệt nào người thầy phải tìm hiểu nguyên nhân làm cho học sinh của mình trở thành cá biệt như vậy? Bản chất của con người vốn là tốt đẹp như Khổng Tử từng nói: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Vậy ai, cái gì đã làm cho học sinh của mình trở thành cá biệt như vậy? Đây là một công việc không hề đơn giản đòi hỏi rất nhiều công phu và hơn hết là cần đến cái “*tâm*” của người thầy. Người giáo viên chủ nhiệm phải điều tra tỉ mỉ,

nhiều lần, gặp gỡ nhiều người để tìm ra nguyên nhân sâu xa và có biện pháp hữu hiệu nhất để giáo dục.

2. Nguyên nhân

Nhìn chung những biểu hiện của các em là chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường – xã hội. Bên cạnh còn có nhiều nguyên nhân khác gây ra.

2.1. Nguyên nhân dẫn đến học sinh cá biệt

2.1.1. Nguyên nhân từ bản thân, gia đình, xã hội

- Các em đi học do gia đình ép buộc.
- Do tác động của xã hội, bị bè bạn không tốt lôi kéo.
- Sự kích động của phim ảnh, các trò chơi bạo lực từ game.
- Do sự bất ổn của gia đình, cha mẹ đi làm ăn xa các em phải ở với nội (ngoại) thiếu sự quan tâm và quản lý các em .

- Do gia đình khá giả, chỉ biết cung cấp tiền cho con mà không quan tâm đến kết quả học tập của con mình, dẫn đến tính ỷ lại.

- Do cha mẹ ly hôn hoặc vướng vào các tệ nạn xã hội dẫn đến buồn chán.
- Do lớp học có quá nhiều học sinh yếu, kém...
- Đời sống gia đình còn khó khăn, tệ nạn xã hội nhiều, cha mẹ học sinh chưa ý thức hết vai trò giáo dục của mình.

2.1.2. Nguyên nhân từ phía giáo viên bộ môn

- Do học yếu kém nên giáo viên bộ môn phân biệt trong cư xử.
- Thường xuyên gọi kiểm tra bài.
- Cho nhiều điểm kém.
- So sánh giữa học sinh này với học sinh khác.

Từ đó, làm cho học sinh mất đi niềm tin dẫn đến bi quan, chán chường, không muốn học những môn đó.

2.1.3. Nguyên nhân từ phái giáo viên chủ nhiệm

- Trong quá trình giáo dục học sinh cá biệt còn sử dụng tùy tiện các biện pháp không phù hợp và chưa khoa học.

- Xử lý học sinh trong lớp không công bằng
- Không xây dựng được quy định riêng cho lớp.
- Xử lý không đến nơi, đến chốn.
- Chỉ nhắc nhở mà không có biện pháp giáo dục hiệu quả.
- Chưa kết hợp tốt với phụ huynh, chưa thông báo kịp thời với phụ huynh.
- Có thái độ kỳ thị đối với học sinh yếu, kém (cá biệt).
- Không thường xuyên theo dõi lớp mà chỉ giao cho Ban cán sự quản lý.
- Bầu Ban cán sự lớp không đủ năng lực.
- Phạt học sinh vi phạm quá nặng.
- Chỉ nói mà không thực hiện...

2.2. Học sinh cá biệt thường có các biểu hiện sau

- Bỏ học, trốn tiết, thường đi học muộn.
- Thực hiện không tốt nội quy nề nếp như: không mặc đồng phục, đeo thẻ đúng quy định, vi phạm về đầu tóc, tác phong.
- Mất trật tự trong giờ học.
- Không chú ý nghe thầy cô giảng dạy, thường xuyên không học bài và làm bài trước khi đến lớp.
- Thiếu văn hóa (nói tục, chửi thề).
- Trêu chọc, đùa ghẹo người khác quá mức, đe dọa các bạn.
- Sách vở không đầy đủ, thường xuyên không chép bài, ngủ gật trong giờ.
- Mê chơi game, lười kéo, rủ rê bè bạn.
- Đi học về nhà không đúng giờ.
- Thường nói dối.
- Không giữ vệ sinh trường lớp, không tham gia hoặc tham gia thiếu nhiệt tình các phong trào, hoạt động chung của lớp ...

Hầu hết học sinh cá biệt ý thức tổ chức kỉ luật chưa tốt, không ý thức được nhiệm vụ học tập của mình, không ý thức được vai trò của việc học đối với cuộc đời mình. Vì vậy các em không có thói quen tự giác, việc đi học đối với các em chỉ là đối phó, chỉ để vừa lòng cha mẹ, thầy cô, để được gặp bạn, để không phải làm việc nhà, để có cơ hội đi chơi, đi ra khỏi nhà ... Thậm chí có học sinh cá biệt việc đi học chỉ vì bố mẹ bắt buộc, các em chỉ đi học cho có mặt chứ không nhận thức được học để làm gì, có tác dụng như thế nào đối với cuộc sống của mình. Vì vậy người giáo viên chủ nhiệm cần cho các em thấy được tác dụng của việc học tập, tu dưỡng đối với hiện tại và tương lai của các em, nêu cho các em những ví dụ cụ thể, những tấm gương rất gần gũi với các em do sự thành công và thất bại trong cuộc sống do sự học mang lại.

Việc dạy học sinh cá biệt có thể mỗi người có một cách khác nhau nhưng theo tôi việc giáo dục học sinh cá biệt cần phải mềm dẻo, linh hoạt, cần có sự gần gũi, yêu thương tin tưởng. Người giáo viên chủ nhiệm là người thường xuyên chú ý, quan tâm, đi sâu, đi sát lớp chủ nhiệm, nắm được học sinh cá biệt của lớp để có phương pháp giáo dục và điều chỉnh phương pháp giáo dục cho phù hợp với từng thời kì, từng giai đoạn.

Là một giáo viên đã và đang làm công tác chủ nhiệm và giáo dục học sinh cá biệt, tôi xin đưa ra một số việc làm, giải pháp, biện pháp sau đây mà tôi đã áp dụng ở trường.

II. Các giải pháp

1. Đối với công tác chủ nhiệm

1.1. Công tác tổ chức lớp

Trong công tác chủ nhiệm, nếu làm đúng vai trò trách nhiệm thì người thầy phải bỏ ra nhiều thời gian, rất vất vả trong việc theo dõi, quản lý lớp, người giáo viên muốn làm tốt công tác của mình trước hết phải làm tốt công tác tổ chức lớp, thực hiện một số công việc sau.

1.1.1. Xếp chỗ ngồi

Giáo viên chủ nhiệm phải xem trước học bạ của từng học sinh trong năm học trước để nắm được học lực, hạnh kiểm của từng học sinh. Khi sắp chỗ ngồi nên chia đều những học sinh có học lực khá, giỏi ngồi xen lẫn với những học sinh có học lực trung bình. Nếu thấy trong lớp có những học sinh bị ghi trong học bạ là hạnh kiểm chưa tốt hoặc học sinh lưu ban nên xếp chỗ ngồi cho các em ở những dãy bàn đầu để tiện quan sát, theo dõi. Sau khi xếp chỗ ngồi xong giáo viên chủ nhiệm lập sơ đồ lớp và dán tại bàn giáo viên để giáo viên bộ môn tiện theo dõi.

Khi xếp chỗ ngồi giáo viên chủ nhiệm cần lưu ý: Nếu trong lớp đã có học sinh cá biệt thì không nên cho các em ngồi gần nhau. Không nên cho các em tùy tiện chọn chỗ ngồi, vì những học sinh ham chơi, Thiếu nghiêm túc thường thích ngồi gần nhau.

1.1.2. Bầu Ban cán sự (BCS) lớp

Khi giáo viên chủ nhiệm đã nắm được học lực, hạnh kiểm của học sinh sẽ lựa chọn những học sinh có đủ phẩm chất đạo đức để bầu làm lớp trưởng, các lớp phó và các tổ trưởng, tổ phó. Đây là vấn đề rất cần thiết để giao trách nhiệm cho BCS lớp thay mặt giáo viên chủ nhiệm điều hành, quản lý lớp. Trong quá trình giao nhiệm vụ, nếu thấy trong BCS những học sinh nào không làm tốt sẽ thay bằng học sinh khác để tiếp tục quản lý lớp.

Khi bầu BCS lớp cần tránh trường hợp học sinh không đủ năng lực nhưng giáo viên chủ nhiệm vẫn bắt buộc phải làm lớp trưởng hoặc lớp phó, từ đó làm ảnh hưởng đến tinh thần học tập của các em và tạo điều kiện cho những mầm mống học sinh cá biệt xuất hiện.

1.1.3. Xây dựng nội quy lớp

Ngoài việc giáo viên chủ nhiệm (GVCN) phổ biến cho học sinh biết về Nội quy nhà trường bắt buộc học sinh phải thực hiện, bên cạnh đó, GVCN cần xây dựng Nội quy riêng cho lớp để các em thực hiện. Có thể ở mỗi lớp GVCN xây

dựng nội quy lớp khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình của lớp. Tuy nhiên, GVCN hãy tôn trọng quyền lựa chọn, sự quyết định của học sinh trong phạm vi cho phép, cùng nhau xây dựng nội quy của lớp như một bản “*khế ước xã hội*” với học sinh các em sẽ tự giác thực hiện vì nội quy đó do chính các em đưa ra. Tôn trọng cá sự “*cá biệt*” của các em vì mỗi cá nhân là một nhân cách độc đáo cần phải được tôn trọng. GVCN tránh áp đặt thô bạo với các em, không xúc phạm làm tổn thương danh dự của các em trước tập thể, cố gắng thận trọng khi phát ngôn vì học sinh cá biệt hết sức nhạy cảm. Thầy cô hãy làm cho các em thấy mình không chỉ là thầy giáo của các em mà còn là một con người bình thường như các em, có những sở thích giống các em, các em sẽ thấy thầy cô mình thật là gần gũi.

VD

TRƯỜNG THPT TX MUỒNG LAY

LỚP 11B2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI QUY LỚP

1. Đến lớp phải đúng giờ quy định.
2. Phải học bài, làm bài đầy đủ trước khi đến lớp.
3. Bàn trực nhật phải vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh sạch sẽ, đổ rác trước 6h45’ buổi sáng, trước 13h45’ buổi chiều.
4. Quần áo, trang đồng phục đúng quy định, đeo thẻ học sinh khi tham gia mọi hoạt động trong trường.
5. Không được đi dép lê, không được tô son, đánh phấn, kẻ vẽ móng tay, móng chân, không được nhuộm tóc trang điểm khi đến trường.
6. Không được mang điện thoại đến trường.
7. Không mang thức ăn đóng hộp, thức uống bằng chai, lon, bọc nylon vào lớp học.
8. Giữ gìn vệ sinh lớp học trong suốt các buổi học.
9. Không được viết, vẽ trên tường, bàn ghế.
10. Không được trêu đùa, chọc ghẹo, làm mất trật tự trong giờ học.
11. Nếu nghỉ học phải có giấy xin phép có chữ ký của phụ huynh học sinh. Ban cán sự lớp phải báo cáo với GVCN ngay trong ngày.

12. Đi học phải mang theo nội quy lớp.

Mường Lay, ngày....tháng....năm.....

(*GVCN ký, ghi rõ họ tên*)

Sau khi xây dựng xong nội quy lớp, GVCN phổ biến trước lớp cho tất cả học sinh đều biết và thống nhất thực hiện. Sau đó GVCN phát cho mỗi học sinh một bảng Nội quy và bắt buộc các em phải giữ bảng Nội quy này và thường xuyên mang theo trong suốt năm học để làm cơ sở xử lý học sinh vi phạm, nếu học sinh vi phạm nhẹ có thể bắt học sinh đọc lại bảng Nội quy trước lớp hoặc học thuộc bảng Nội quy...

GVCN đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc rèn luyện, giáo dục học sinh, nên trong các buổi 15 phút đầu giờ GVCN phải thường xuyên đến lớp (đặc biệt là đầu năm học) để theo dõi tình hình. Bên cạnh đó, tác phong của GVCN cũng rất cần thiết như: đầu tóc, trang phục, lên lớp đúng giờ, những gì nói với học sinh thì phải thực hiện bằng được tránh tình trạng dễ dãi, qua loa, phải xử lý học sinh đúng quy định đã đặt ra dù cho học sinh đó vô tình hay cố ý vi phạm. Từ đó giúp học sinh học hỏi được phong cách, tác phong trước tiên từ người GVCN lớp, làm các em càng kính trọng hơn.

1.2. Tiến hành khảo sát học sinh (Có minh chứng kèm theo)

Sau khi làm xong công tác tổ chức lớp, GVCN tiến hành khảo sát để nắm được những thông tin có liên quan đến hoàn cảnh, đời sống gia đình của các em. Qua đó giúp GVCN biết được hoàn cảnh từng đối tượng học sinh, trong số đó dễ dàng nhận ra được những học sinh sẽ rơi vào trường hợp học sinh cá biệt để kịp thời ngăn chặn, uốn nắn, biết được những học sinh nào có hoàn cảnh khó khăn dẫn đến nguy cơ bỏ học cao để báo lên Hội khuyến học, Ban giám hiệu nhà trường kịp thời giúp đỡ.

PHIẾU KHẢO SÁT

1. Họ và tên học sinh: SDT:.....
2. Chỗ ở hiện nay:
3. Họ tên cha:, tuổi..., nghề nghiệp:, SDT:.....
4. Họ tên mẹ:, tuổi..., nghề nghiệp:, SDT:.....
5. Gia đình có bao nhiêu anh, chị em; nghề nghiệp của anh, chị
-
-
6. Hoàn cảnh sống hiện tại của gia đình em thế nào,
-
-
7. Ước mơ của em sau này làm gì:
8. Ngoài giờ học em thường làm gì để giúp đỡ gia đình:
-
9. Trong học tập và trong cuộc sống em gặp phải khó khăn gì:
-
10. Em thích học môn nào, ghét học môn nào tại sao?:
-
11. Em có thể tham gia các hoạt động VHVN- TDTN nào?:
-
12. Những người bạn thân của em tên gì, học lớp nào, số điện thoại:
-
-

Sau khi nắm được những thông tin của học sinh, GVCN sẽ phân luồng đối tượng, xem những học sinh nào có thể dẫn đến sa sút về học tập và sẽ trở thành học sinh cá biệt.

1.3. Tiếp xúc với cha mẹ học sinh

Trong cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm GVCN phải cố gắng nắm được số điện thoại liên lạc của gia đình, đây là điều kiện thuận lợi giúp GVCN trao đổi gián tiếp với cha mẹ học sinh khi cần thiết. Ngoài ra GVCN cần phải tiếp xúc riêng để trao đổi thông tin với cha mẹ của những học sinh cá biệt, đây là điều rất cần thiết, không thể thiếu đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm. Thông qua công việc này giúp giáo viên biết được các thói quen, sở thích, thái độ của học sinh thường biểu hiện ở gia đình. Qua đó giúp cha mẹ học sinh biết được tình hình học tập, những dấu hiệu sa sút của các em đồng thời giúp cha mẹ học sinh thấy được sự quan tâm của nhà trường đối với gia đình từ đó tạo được niềm tin đối với phụ huynh trong việc giáo dục con cái của họ. Mỗi quan hệ có tác động hai chiều này nhằm hạn chế bớt mặc cảm, tự ti ở các em, giúp các em giảm bớt tâm lý lo sợ khi tiếp xúc với GVCN.

1.4. Tìm hiểu mối quan hệ bè bạn của học sinh

Ngoài những thông tin mà GVCN tìm hiểu về học sinh cá biệt, bên cạnh đó cần phải tìm hiểu mối quan hệ bè bạn của học sinh đó để biết những đối tượng mà học sinh này đang chơi chung họ như thế nào. Có thể GVCN tìm hiểu thông qua lớp trưởng, các học sinh khác trong lớp, thông qua phiếu khảo sát... Có những học sinh ít giao tiếp với bạn bè chỉ thích chơi game mà học tập giảm sút, nên khuyến khích các học sinh khác trong lớp thường xuyên tiếp xúc để có biện pháp giúp đỡ bạn, giúp các em sống trong môi trường đoàn kết, gắn bó giúp đỡ lẫn nhau trong bất kỳ trường hợp nào. GVCN có thể giáo dục các em bằng cách nêu gương, điển hình giúp các em tự nhận thấy những khuyết điểm của mình để từng bước sửa chữa. GVCN nên gặp riêng từng học sinh để trao đổi, giải thích cho các em hiểu những sai trái của mình để các em có hướng khắc phục, không nên làm các em cảm thấy mặc cảm trước lớp (Có minh chứng kèm theo).

1.5. Phân loại học sinh cá biệt

Theo tôi việc quan trọng nhất mà mỗi giáo viên chủ nhiệm phải làm đó là phân loại “*học sinh cá biệt*”. Thực tế việc phân loại “*học sinh cá biệt*” không khó nhưng hiệu quả của công việc lại phụ thuộc vào nó rất nhiều. Giống như người thầy thuốc có chẩn đoán đúng bệnh thì mới có được phương thuốc hữu hiệu nhất để chữa trị.

Có rất nhiều trường hợp cá biệt như: cá biệt về học tập; về đạo đức; về tư tưởng...

Sau khi đã điều tra có kết quả, bước tiếp theo là phân thành các dạng điển hình để có biện pháp giáo dục phù hợp.

+ Dạng thứ nhất: Em Phạm Anh Tuấn (11B2), Lò Văn Hải(11B2), là những học sinh có học lực yếu, lưu ban, chuyên quậy phá, nghỉ học thường xuyên, tái phạm nội quy nhiều lần có hệ thống của những năm học trước. Bố mẹ cũng tỏ ra bất lực , không giáo dục được.

+ Dạng thứ hai là những em có học lực quá kém do hỏng kiến thức cơ bản những năm trước, chán học, thường xuyên ốm đau như em Giàng A Sùng, Sùng A Thắng, Lâm Đức Thuận, Mào Văn Đạt (11B2) ...đã lơ là trong học tập và các hoạt động tập thể.

+ Dạng thứ ba là do ảnh hưởng xấu từ gia đình các em (đặc biệt là từ bố mẹ) khiến các em ngộ nhận, mất niềm tin trong cuộc sống, mặc cảm với bạn bè và thầy cô giáo như em Phạm Thị Khánh Huyền bố mẹ bỏ nhau, mẹ bận đi làm thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Em Phạm Anh Tuấn bố nghiện hút, buôn bán ma túy đang đi tù, em Nguyễn Thanh Hoàng bố không chung thủy với mẹ, em Điêu Thanh Lam, em Mào Văn Đạt bố mất ...các em chán nản, thiếu sự quan tâm của gia đình, lơ là trong học tập.

Mỗi dạng học sinh có những yếu kém không giống nhau nên người làm công tác chủ nhiệm lớp cũng tìm những phương pháp thích hợp để giáo dục. Nếu phân loại

đúng đối tượng học sinh, giáo viên chủ nhiệm sẽ có những điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình giáo dục học sinh của mình.

Sau khi đã phân loại được “*học sinh cá biệt*”, biết em đó thuộc loại “*cá biệt*” nào người thầy phải bắt tay ngay vào việc tìm hiểu nguyên nhân nào làm cho học sinh của mình trở thành “*học sinh cá biệt*” như vậy. Bản chất của con người vốn là rất tốt đẹp như Khổng Tử từng nói “*nhân chi sơ tính bản thiện*” Vậy Ai? Cái gì? đã làm cho học sinh của mình trở thành học sinh cá biệt như vậy? Người giáo viên chủ nhiệm phải điều tra tỉ mỉ, đi lại nhiều lần, gặp gỡ nhiều người để tìm ra nguyên nhân sâu xa bên trong và có biện pháp hữu hiệu nhất để giáo dục.

2. Giáo dục học sinh cá biệt bằng biện pháp giáo dục đạo đức

2.1. Đặt vấn đề

Một câu hỏi lớn đặt ra đối với giáo viên chủ nhiệm là làm thế nào để có thể giáo dục đạo đức học sinh thành công? Ở đây không có bất cứ một khuôn mẫu, một công thức cụ thể nào để áp dụng. Giáo dục đạo đức học sinh đòi hỏi sự sáng tạo rất lớn của người giáo viên chủ nhiệm. Với mỗi một trường hợp học sinh khác nhau người giáo viên chủ nhiệm sẽ có những cách giải quyết riêng cụ thể.

Khi nói về vấn đề giáo dục “*học sinh cá biệt*” nhiều người nói phải xử phạt thật nghiêm. Tôi cũng luôn tự đặt cho mình câu hỏi: *Có nên xử phạt học sinh cá biệt không?* Câu hỏi này là vô cùng khó trả lời trong công tác giáo dục đặc biệt ở giai đoạn hiện nay. Với tôi việc học sinh có vi phạm tất nhiên sẽ phải bị xử lí, người giáo viên chủ nhiệm không thể nhắm mắt làm ngơ trước những vi phạm của học sinh được, nhưng xử lí như thế nào cho thoả đáng cho có tính giáo dục cao nhất. Tôi rất tâm đắc câu nói của GS Nguyễn Cảnh Toàn: “*Quả đấm không phải là khoa học*”. Với “*học sinh cá biệt*” theo tôi việc xử phạt là cần thiết nhưng xử phạt phải đảm bảo “*vừa trói*”, “*vừa mở*”; “*trói*” không cho các em tiếp tục vi phạm nhưng phải “*mở*” ra cho các em một lối thoát khỏi những bế tắc trong cuộc đời, giúp các em hiểu được điều đúng đắn để trở thành người có ích cho xã hội như thế mới gọi là giáo dục. Còn việc đuổi học

hay buộc phải chuyển trường thì đâu có gì là khó nhưng xã hội sẽ sớm phải đón nhận những công dân với nhân cách méo mó vào đời. Thật đau xót lắm chứ! Theo tôi dù học sinh có lỗi lầm dù lớn đến đâu đi chăng nữa mà học sinh biết nhận lỗi và quyết tâm sửa lỗi thì trong phạm vi của mình người giáo viên chủ nhiệm hãy tạo cho học sinh cơ hội để sửa chữa, cơ hội làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời mình. Hãy đến với học sinh bằng tất cả sự quan tâm, lo lắng, giúp đỡ.

Theo tôi việc giáo dục “*học sinh cá biệt*” hoàn toàn không phải là ảo tưởng, không phải là không thể nhưng đó là việc làm cực kì khó khăn đòi hỏi cái “*Tâm*” rất lớn của người giáo viên chủ nhiệm. Người giáo viên chủ nhiệm phải thật sự nhẫn nại, tỉ mỉ, yêu trò và rất cần một phương pháp đúng đắn. Hãy coi “*học sinh cá biệt*” như một “*thử thách*” cần phải vượt qua đừng coi đó như một tai nạn, một nỗi đau hay sự đen đui khi được giao chủ nhiệm vào lớp chủ nhiệm có “*học sinh cá biệt*”.

Theo tôi việc giáo dục “*học sinh cá biệt*” thành công người thầy rất cần đến chữ “*Tâm*”. Chữ “*Tâm*” ở đây không phải chỉ là sự yêu thương vô bờ đối với học trò như một người con, người em ruột thịt của mình mà còn là tâm huyết tha thiết yêu nghề, tập trung cho từng hành động nhỏ nhất của mình từ lời ăn tiếng nói, ăn mặc, hành động, chăm chút cho từng tiết giảng của mình vì trong mắt các em người thầy đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm là “*thần tượng*” đối với các em đừng để “*thần tượng*” sụp đổ trong mắt các em, các em sẽ hụt hẫng và hoàn toàn mất phương hướng.

Việc giáo dục “*học sinh cá biệt*” có thể mỗi người có một cách khác nhau nhưng theo tôi việc **giáo dục “*học sinh cá biệt*” bằng tình cảm là biện pháp hữu hiệu nhất**. Dưới đây tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm của mình về giáo dục đạo đức học sinh.

2.2. Một số biện pháp giáo dục học sinh cá biệt bằng tình cảm

2.2.1. Người giáo viên chủ nhiệm phải tránh cái nhìn lí tưởng hoá về lớp học, về học sinh của mình. Lớp nào, trường nào cũng có học sinh cá biệt chỉ khác là biểu hiện

của cái “*cá biệt*” đó như thế nào mà thôi và số lượng nhiều hay ít. Có em “*cá biệt*” về đạo đức, có em “*cá biệt*” về học tập, có em đặc biệt “*cá biệt*” ...

2.2.2. Giáo viên chủ nhiệm không nên có cái nhìn kì thị, thái độ khó chịu, ghét bỏ, coi thường, mắng nhiếc học sinh cá biệt trước lớp. Đừng gọi các em là “*học sinh cá biệt*”, đặc biệt là trước lớp, trước mặt người khác. Các em chỉ là những “*học sinh chưa ngoan*”, những “*học sinh có hoàn cảnh đặc biệt*”. Chúng ta gọi các em là “*học sinh cá biệt*” (cá biệt tức là khác biệt) vậy vô hình chung chúng ta đã cố tách học sinh đó ra khỏi lớp, cô lập các em trước lớp. Nhiệm vụ của chúng ta là giáo dục các em học sinh “*chưa ngoan*” này trở thành học sinh ngoan.

2.2.3. Giáo viên chủ nhiệm cần biết đa số các em “*học sinh cá biệt*” gia đình đã không còn là “*mái ấm*” để chở che các em, để các em dựa vào mỗi khi gặp khó khăn thậm chí có một số em gia đình giống như một “*nhà tù*” một “*địa ngục*”... mỗi khi bước về nhà là các em cảm thấy trống trải, chán ghét cha mẹ vì vậy các em rất cần một điểm tựa tinh thần tin cậy để có thể được sẻ chia tâm sự, để được bộc bạch những khó khăn những nỗi niềm riêng tư thầm kín, thầy cô sẽ trở thành một người bạn lớn của các em. Tìm cách cho các em thể hiện cái “*tôi*” cá nhân của mình trước tập thể, xin đừng thẳng tay trừng trị các em, đừng làm mất đi điểm tựa cuối cùng của các em. Hãy nhìn các em bằng sự bao dung của người cha, sự nhân từ của người mẹ, sự gần gũi, cảm thông của người anh người chị, sự thân thiết của người bạn.

2.2.4. Giáo viên chủ nhiệm cần tạo mối quan hệ gần gũi thể hiện sự quan tâm đối với các em, nhưng người thầy vẫn luôn giữ chuẩn mực, nghiêm khắc. Tiếp xúc tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của các em, nhằm để động viên, khích lệ tạo cho các em có được chỗ dựa tinh thần vững chắc. Để các em thấy sự quan tâm của người thầy như người cha, người mẹ của các em luôn dìu dắt, nâng đỡ các em khi vấp phải những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống.

2.2.5. Giáo viên chủ nhiệm đừng nghĩ rằng bộ mặt của “*học sinh cá biệt*” lúc nào cũng “*căng căng*”, “*bất cần đời*” là có “*trái tim đá*”. Bởi dưới vẻ mặt “*lạnh lùng*”, “*căng căng*” dường như “*vô cảm*” kia là sự hụt hẫng tình thương đến vô bờ chỉ có sự bao dung, vị tha, kiên nhẫn mới có thể cảm hoá được các em đem lại cho các em hơi ấm của tình người để cho các em thấy rằng người tốt chung quanh chúng ta nhiều lắm. “*Học sinh cá biệt*” dù cho có khó giáo dục đến đâu đi chăng nữa thì bên trong các em vẫn luôn tiềm ẩn những nhân tố, những phẩm chất tích cực nếu có phương pháp đúng chúng ta vẫn khơi gợi để làm thức tỉnh các em để từ đó phát huy làm điểm tựa cho các em, khôi phục lại niềm tin cho các em để các em thấy rằng mình không hề kém cỏi, không phải là “*đồ bỏ đi*” để các em có thể vứt bỏ được sự tự ti, mặc cảm mà tự giác, chủ động hội nhập với các bạn. Hãy tìm ra điểm mạnh của các em để có thể “*khích tướng*” vì đa số các em sự sĩ diện là rất lớn.

2.2.6. Giáo viên chủ nhiệm cần nhìn nhận vấn đề theo chiều hướng tích cực, đừng nghiêm trọng hoá vấn đề hãy tạo cho các em một lối thoát, một cơ hội để sửa chữa, xin đừng “*mổ một con gà bằng một cái búa*”. Hãy tin tưởng, chờ đợi sự chuyển biến của các em, không nên nóng vội, vì thầy cô càng nóng vội, càng tạo áp lực lên các em, các em càng bối rối, càng sa vào đối phó.

2.2.7. Giáo viên chủ nhiệm hãy cố gắng nhìn nhận sự tiến bộ của các em không quá khắt khe, nên có cái nhìn bao dung, độ lượng, chân tình, vị tha. Trân trọng từng sự tiến bộ của các em dù là nhỏ nhất vì đó là cả một sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của các em, mạnh dạn biểu dương các em trước tập thể. Đừng tiết kiệm lời khen với các em vì một lời động viên khen ngợi còn có giá trị hơn rất nhiều những bản kiểm điểm.

2.2.8. Giáo viên chủ nhiệm cần quan tâm gần gũi, tìm hiểu học sinh cá biệt, đa số các em học sinh cá biệt rất cần một điểm tựa tinh thần tin cậy để có thể bộc bạch, sẻ chia, tâm sự những khó khăn, những nỗi niềm riêng tư, thầm kín. Thầy cô sẽ trở thành người bạn lớn của các em. Người giáo viên chủ nhiệm nên biết lắng

nghe những tâm sự của các em và cũng nên giữ kín những tâm sự đó để các em tin tưởng mà bộc bạch. Khi học sinh nghỉ học, dù có phép hay không phép, dù bất cứ lý do gì những buổi học sau phải tiếp xúc để thăm hỏi các em, đôi khi cũng có những lý do khá đặc biệt người thầy có thể chia sẻ với các em, làm cho các em cảm thấy vui hơn khi được thầy cô quan tâm đến mình, từ đó những biểu hiện cá biệt dần dần biến mất.

2.2.9. Giáo viên chủ nhiệm hãy cố gắng điềm tĩnh, biết tự kiềm chế vì học sinh cá biệt là một sự “*thử thách*” rất lớn đối với đức tính điềm tĩnh, tự kìm chế của mỗi giáo viên. Không nên nóng vội, không nên quá khắt khe, xử lý mạnh tay bằng những hình thức kỉ luật nặng nề, không nên thành kiến với các em, đừng nhắc đi, nhắc lại nhiều lần lỗi vi phạm của các em sẽ dễ dẫn đến sự chai lì.

2.2.10. Giáo viên chủ nhiệm phải mềm dẻo linh hoạt khi giáo dục “*học sinh cá biệt*”, nên “*lời nói phải đi đôi với việc làm*”. Xin đừng hứa suông, đã nói thì phải kiên quyết thực hiện, biết không thực hiện được thì không nói. Vận dụng linh hoạt theo phương châm “*lạt mềm, buộc chặt*”. Dù gần gũi các em nhưng cũng cần giữ một khoảng cách nhất định của thầy, trò.

3. Công tác liên kết với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh.

Để giáo dục được những học sinh cá biệt, bản thân của mỗi GVCN cần phải biết phối hợp kịp thời, linh hoạt với các bộ phận trong và ngoài nhà trường.

Phối hợp với Đoàn thanh niên CSHCM, đội xung kích của Đoàn trường cung cấp cho Đoàn, đội danh sách những học sinh cá biệt để kịp thời hỗ trợ trong việc theo dõi, nhắc nhở và xử lý những vi phạm của các em.

Phối hợp với giáo viên bộ môn, thông qua đó giáo viên có thể theo dõi thường xuyên ý thức, thái độ học tập và kết quả học tập của từng học sinh nói riêng, cả lớp nói chung đối với từng môn học; Trao đổi với giáo viên bộ môn về những học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện (hoàn cảnh gia đình không

thuận lợi, sức khỏe yếu, ý thức kỷ luật kém...). Phản ánh với giáo viên bộ môn về nguyện vọng của học sinh để có hướng bồi dưỡng, rèn luyện thêm cho các em về kiến thức, tư vấn, định hướng tư duy và cách thức học.

Phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường GVCN thỉnh thị, đề xuất, xin ý kiến về biện pháp giáo dục, nhờ sự tranh thủ giúp đỡ của BGH, của Hiệu trưởng và đề nghị Ban giám hiệu cùng phối hợp, thống nhất tác động sư phạm tới “*học sinh cá biệt*”

Phối hợp với các lực lượng khác như: bảo vệ, thư viện, y tế... Để giáo dục học sinh, để đánh giá, nhìn nhận học sinh một cách khách quan.

Phối kết hợp với gia đình học sinh, địa phương nơi cư trú để quản lý, động viên, quan tâm giúp đỡ, tác động kịp thời giải quyết các vướng mắc về tâm sinh lý, về năng lực học tập, về tình cảm gia đình...

4. Giao nhiệm vụ cho học sinh

Học sinh cá biệt dù khó giáo dục đến đâu thì bên trong các em vẫn luôn tiềm ẩn những nhân tố, những phẩm chất tích cực nếu có phương pháp đúng chúng ta vẫn khơi dậy để làm thức tỉnh các em, khôi phục niềm tin cho các em để các em thấy rằng mình không kém cỏi, không phải là “*đồ bỏ đi*”, để các em có thể vứt bỏ được sự tự ti, mặc cảm, chủ động hội nhập với các bạn và tập thể lớp. GVCN hãy tìm ra điểm mạnh của các em để có thể phát huy vì đa số các em sự sĩ diện là rất lớn. Có những khi cần phải giao việc cho các em làm để khơi dậy trong các em tinh thần trách nhiệm.

Thường GVCN không giao nhiệm vụ cho những học sinh cá biệt, vì cho rằng những học sinh này sẽ không làm được gì, coi thường các em và luôn chỉ trích, nêu tên phê phán là chính. Điều đó không khéo dễ làm hỏng các em hơn. Cho nên đối với những đối tượng này, GVCN nên tạo cho các em một cơ hội để các em thấy được vai trò của mình trong tập thể, đồng thời phát huy tính làm chủ của các em và nhận thấy rằng mình không bị lạc lõng, không bị bỏ rơi. Như tham gia các hoạt

động văn hóa văn nghệ, tham gia các trò chơi dân gian, các hoạt động thể thao, tham gia làm báo tường....nhân các ngày lễ hội của trường tổ chức, tham gia lao động, vệ sinh lớp học, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, làm nhiệm vụ trực tuần...Khi hoàn thành nhiệm vụ GVCN phải đánh giá kết quả bằng cách ghi nhận thái độ làm việc, nêu gương trước tập thể lớp.

5. Rèn luyện học sinh tính trung thực

Phải rèn luyện cho học sinh tính trung thực, tự lập, vượt qua mọi khó khăn thử thách, không nên ỷ lại. Có được tính trung thực điều đó khẳng định các em đã trưởng thành, phải chịu trách nhiệm trước công việc của mình làm, nếu có sai phạm phải tự nhận lấy, không đổ lỗi cho người khác. Từ đó giúp các em tự khẳng định được mình và các em sẽ dẫn đầu trước những công việc mà mình sắp làm nhằm hạn chế bớt những sai phạm.

6. Tổ chức giờ sinh hoạt

Trong buổi sinh hoạt cuối tuần, GVCN đóng vai trò cố vấn, hướng dẫn các em từng bước tiến hành. Sau đó GVCN sẽ là người kết luận cuối cùng. Đầu tiên lớp trưởng nhận xét xem các mặt hoạt động của lớp đủ 2 mặt ưu điểm, hạn chế theo các nội dung: Về học tập, về nề nếp đoàn: đi học muộn, nghỉ học có phép, không phép, sinh hoạt 15' đầu giờ, trang đồng phục, đeo thẻ, giày dép, đầu tóc, vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, báo cáo lỗi vi phạm của từng học sinh theo biểu (Có minh chứng kèm theo).

THEO DÕI TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TUẦN

Tuần:.....(Từ..... →)

| TT | Họ và tên | Nghỉ học | | Đi học muộn | Không học bài, làm bài | Điểm tốt, Sôi nổi | Nề nếp trang phục | Các vi phạm khác |
|----|-------------|----------|---|-------------|------------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| | | P | K | | | | | |
| 1 | Lò Tuấn Anh | | | | | | | |
| 2 | Lò Văn Bằng | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|----|-------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 3 | Mào Thị Dương | | | | | | | |
| 4 | Mai Hải Dương | | | | | | | |
| 5 | Sin Văn Dưỡng | | | | | | | |
| 6 | Giàng Văn Đạt | | | | | | | |
| 7 | Mào Văn Đạt | | | | | | | |
| 8 | Lò Văn Hải | | | | | | | |
| 9 | Nguyễn Thanh Hoàng | | | | | | | |
| 10 | Phạm Thị Khánh Huyền | | | | | | | |
| 11 | Lò Văn Huỳnh | | | | | | | |
| 12 | Trần Thị Thanh Hương | | | | | | | |
| 13 | Lò Thị Hường | | | | | | | |
| 14 | Bùi Trung Kiên | | | | | | | |
| 15 | Điêu Thanh Lam | | | | | | | |
| 16 | Điêu Duy Lực | | | | | | | |
| 17 | Điêu Thị Nghĩa | | | | | | | |
| 18 | Vì Văn Nghĩa | | | | | | | |
| 19 | Sin Văn Nghĩa | | | | | | | |
| 20 | Tòng Thị Oanh | | | | | | | |
| 21 | Nùng Thị Sinh | | | | | | | |
| 22 | Phạm Hoàng Sơn | | | | | | | |
| 23 | Giàng A Sùng | | | | | | | |
| 24 | Lò Văn Thắng | | | | | | | |
| 25 | Sùng A Thắng | | | | | | | |
| 26 | Lâm Đức Thuận | | | | | | | |
| 27 | Ly A Tính | | | | | | | |
| 28 | Sùng A Tủa | | | | | | | |
| 29 | Lò Anh Tuấn | | | | | | | |
| 30 | Phạm Anh Tuấn | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|----|---------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 31 | Lò Kim Tuyên | | | | | | | |
| 32 | Sìn Thanh Vân | | | | | | | |

Trong việc xử lý những học sinh vi phạm phải đúng người, đúng tội theo Nội quy đã đề ra. Tránh trường hợp vị nể, xử học sinh này nặng, xử học sinh kia nhẹ làm mất đi tính nghiêm khắc, công minh của người thầy. Những học sinh vi phạm phải chấp nhận hành vi vi phạm của mình. Điều này thông qua sự báo cáo của BCS lớp phải thật sự chính xác công bằng. Những hình thức kỷ luật đã đưa ra bắt buộc học sinh đó phải thực hiện, GVCN không bỏ qua với bất cứ trường hợp nào. Làm được điều đó sẽ giúp cho nề nếp lớp học đi vào khuôn khổ nhất định, rèn luyện cho các em chấp hành tốt Nội quy trường, lớp như vậy sẽ hạn chế tối đa trường hợp học sinh có biểu hiện cá biệt tái phạm.

Thầy cô hãy nhẹ nhàng phân tích những ưu khuyết điểm, những đúng, sai trong nhận thức và hành động của các em, hãy giúp các em nhận ra lỗi lầm của mình và tạo cho các em cơ hội, thiện chí sửa chữa. Không nên quát mắng, áp đặt các em, đừng biến lớp học thành địa ngục, đừng để giờ sinh hoạt thành một giờ “*tổng sỉ vả*” học sinh cá biệt và đừng để học sinh nghĩ cứ gặp thầy cô là bị la mắng, trách phạt, truy tội. Khi cần có thể gặp riêng các em để nhắc nhở, trao đổi.

Ngoài việc xử lý học sinh vi phạm, GVCN cần phải có hình thức biểu dương, khen thưởng. Đây là hình thức rất có ý nghĩa, học sinh cá biệt thông thường vốn khó tính, khó dạy nếu GVCN thiên vị lập tức sẽ có sự phản ứng ngược lại. Mỗi khi học sinh cá biệt làm được một việc tốt, đạt điểm tốt thì phải động viên khuyến khích các em nên tiếp tục phát huy. Nếu các em sai phạm thì cứ nhẹ nhàng xử lý như những học sinh khác, tránh nóng vội, kỳ thị để các em tự nhận lỗi và sửa chữa.

Tóm lại, giáo dục học sinh cá biệt là nhiệm vụ khó khăn, vất vả nhất trong các phần việc mà người giáo viên phải đảm nhiệm. Chúng ta đều hiểu rõ nghề dạy học vô cùng cao quý vì đó là nghề đào tạo con người cho đất nước. Tương lai của

đất nước phụ thuộc nhiều vào thế hệ trẻ mà hôm nay chúng ta đang dạy dỗ. Nếu chung tay , góp sức làm giảm học sinh cá biệt nghĩa là chúng ta góp phần làm tăng thêm sự bình yên cho mỗi gia đình nói riêng và xã hội nói chung. Một giáo viên nhận nhiệm vụ làm công tác chủ nhiệm, quản lý một lớp học với hơn 30 học sinh quả là không dễ dàng, muốn giáo dục tất cả số học sinh đó đều trở thành học sinh ngoan, kết quả học tập tốt lại càng không dễ. Năm học nào cũng vậy, lớp học nào cũng vậy, thầy cô chủ nhiệm là những người luôn đối mặt với biết bao khó khăn, thử thách và mong muốn duy nhất là làm thế nào cho học sinh mình vững bước, trưởng thành, thành đạt trong tương lai. Hạn chế tối đa những trường hợp học sinh phải đưa ra Hội đồng kỷ luật, vì nếu học sinh bị đình chỉ học tập hay bị ghi vào học bạ hạnh kiểm xấu nó sẽ đeo đuổi suốt đời đối với các em mà bản thân thầy cô chủ nhiệm cũng thấy đau lòng trước những trường hợp như thế. Chính vì những điều đó mà những người thầy đang phục vụ trong ngành giáo dục phải ra sức nghiêm cứu học tập hơn nữa, làm thế nào để sản phẩm của mình tạo ra sẽ có ích cho xã hội. Thầy cô làm công tác chủ nhiệm, xem lớp chủ nhiệm như là một mái ấm gia đình thì sẽ cảm thấy có được niềm vui trong công tác.

Với những kinh nghiệm tích lũy được, qua đề tài này tôi hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé cho công tác chủ nhiệm của thầy, cô giáo trong những năm học tới.

III. Khả năng áp dụng của giải pháp

Các giải pháp trên tôi đã áp dụng trong công tác giáo dục học sinh cá biệt tại lớp 11B2 năm học 2014 – 2015, trường THPT Thị xã Mường Lay. Các giải pháp này có thể được vận dụng, nhân rộng và sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên chủ nhiệm của các trường THPT trong tỉnh Điện Biên.

IV. Hiệu quả lợi ích thu được

Qua việc áp dụng một số biện pháp giáo dục học sinh cá biệt , với tâm huyết của người làm nhiệm vụ “ *trồng người* ” cho đất nước . Tôi nhận thấy đây là nhiệm

vụ rất khó khăn và không dễ thành công . Tuy vậy , tôi cũng có một vài thành công nho nhỏ đủ để giúp tôi không nản chí, đủ để tôi tiếp tục phấn đấu vì học sinh thân yêu

1. Đối với từng học sinh cá biệt cụ thể của lớp

1.1. Học sinh Phạm Anh Tuấn: Không còn hiện tượng nghỉ học không xin phép, đi học muộn, trèo tường. Trong các giờ học đã chú ý tập trung hơn, không còn hiện tượng ngủ gật trong giờ, không chép bài. Chấm dứt hiện tượng đe dọa Ban cán sự lớp, hoặc học sinh trong lớp. Đã tham gia các phong trào hoạt động của lớp như: Lao động, vệ sinh lớp học, tưới bồn hoa, làm vệ sinh trực tuần, luyện tập văn nghệ, tham gia thi đấu bóng đá (đây là các hoạt động mà trước kia gần như học sinh này không tham gia, thực hiện cùng với lớp)

1.2. Học sinh Phạm Hoàng Sơn: Chấm dứt hiện tượng vi phạm về trang phục, đeo thẻ, sơ vin khi đến lớp. Trong các giờ học đã tập trung, chú ý nghe giảng, chép bài đầy đủ, không còn hiện tượng nghỉ học không phép, chuyên biến tích cực và có hướng phấn đấu tiến bộ trong học kỳ II.

1.3. Học sinh Phạm Thị Khánh Huyền: Chấm dứt vi phạm về trang phục, đầu tóc, đi xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm, đeo ba, hiện tượng không học bài và làm bài giảm hẳn, chấm dứt hiện tượng cãi lời mẹ, bỏ đi chơi đêm không về hoặc về khuya.

1.4. Học sinh Tòng Thị Oanh: Chấm dứt vi phạm về trang phục, đầu tóc, đi xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm, đeo ba, hiện tượng không học bài và làm bài giảm hẳn, chấm dứt hiện tượng vi phạm quy chế kiểm tra.

1.5. Học sinh Nùng Thị Sinh: Không còn hiện tượng đi học muộn, không đeo thẻ, đi dép lê, không còn hiện tượng nói dối phụ huynh xin tiền mà không nộp cho giáo viên chủ nhiệm.

1.6. Học sinh Nguyễn Thanh Hoàng: Ý thức học tập chuyển biến tốt, trách nhiệm nhiệt tình trong công việc. Tham gia, chia sẻ hòa đồng với các bạn trong lớp. Học kỳ I đạt danh hiệu học sinh tiên tiến.

1.7. Học sinh Lò Văn Hải: Chấm dứt hiện tượng bỏ học chơi điện tử, tiến bộ trong rèn luyện đạo đức, nhiệt tình tham gia phong trào lớp.

1.8. Sau khi được giáo dục học sinh A chấm dứt hiện tượng lấy trộm tiền của các bạn, học sinh B tôn trọng mẹ hơn, không còn hiện tượng đập phá đồ đạc hay dọa bỏ nhà đi (Vì lí do tế nhị không nêu tên cụ thể)

2. Đối với tập thể lớp (Có minh chứng kèm theo)

Sau khi áp dụng các giải pháp trên lớp chủ nhiệm đã có những chuyển biến tích cực: lớp không có vụ việc nghiêm trọng, tỉ lệ học sinh cá biệt giảm hẳn, phong trào và ý thức học tập của học sinh nâng lên, tỉ lệ học sinh vi phạm nội quy giảm, xếp loại hạnh kiểm hàng tháng tỉ lệ hạnh kiểm trung bình, yếu giảm hẳn.

Tình cảm cô – trò gắn bó, tình cảm bạn bè thân thiết, gần gũi, chia sẻ yêu thương, môi trường học tập thay đổi. Vị thế của người giáo viên được tập thể lớp ghi nhận, tôn trọng.

Lớp chủ nhiệm đạt giải nhì văn nghệ trong phong trào thi đua 20/11. Tổng kết thi đua học kỳ I đứng thứ 5/ 12 chi đoàn trong nhà trường về điểm thi đua (trong đó có 3 lớp chọn); Lớp có 8 học sinh tiên tiến tăng 5 học sinh so với đầu năm; Hạnh kiểm tốt 12 học sinh tăng 7 học sinh so với đầu năm; Tỉ lệ học sinh cá biệt giảm từ 5 học sinh từ đầu năm học xuống còn 2 học sinh. Trong các tháng của học kỳ II vẫn giữ vị trí thứ 3, hoặc 4 về điểm thi đua trong toàn trường; Đã giới thiệu và kết nạp được 16 đoàn viên mới.

V. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp

Các giải pháp trên đã giúp tôi giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm 11B2 đạt kết quả như mong muốn, đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của lớp, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

VII. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với nhà trường

Các giáo viên chủ nhiệm cần “*đều tay*” khi thực hiện nhiệm vụ.

Nhà trường cần đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động tập thể, tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh như: tổ chức nhiều hơn các hoạt động vui chơi, giải trí cho học sinh.

Nhà trường cần kết hợp với đoàn thanh niên để tổ chức các hoạt động ngoại khoá, hoạt động xã hội, các cuộc thi mang tính cộng đồng để thanh niên học sinh thể hiện sự năng động, sáng tạo.

Cần tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống cho các em, để các em hiểu thêm về vai trò, trách nhiệm của lứa tuổi học đường.

Chỉ đạo cho GVCN tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh các giáo viên bộ môn và tất cả các ban , ngành , đoàn thể trong nhà trường và ngoài xã hội, để kịp thời giáo dục những học sinh cá biệt có hiệu quả.

2. Đối với Sở giáo dục và đào tạo

Cần mở những lớp tập huấn kỹ năng giáo dục học sinh cá biệt cho GVCN cấp THPT.

Trên đây là sáng kiến kinh nghiệm của bản thân tôi, do thời gian nghiên cứu ngắn, phạm vi nghiên cứu chỉ là một trường THPT miền núi nên có nhiều vấn đề chưa được phân tích một cách đầy đủ, các biện pháp đưa ra chưa có tính khả thi cao, quá trình thực hiện vẫn còn nhiều thiếu sót . Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chia sẻ của đồng nghiệp để nội dung đề tài hoàn thiện hơn./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết năm học 2013 – 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2014 – 2015, ngày 26/5/2014; Báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2014 – 2015 của trường THPT Thị xã Mường Lay
2. Tài liệu nghiên cứu tâm lý lứa tuổi học sinh THPT
(<http://123doc.org/document/195528-tim-hieu-dac-diem-tam-ly-lua-tuoi-hoc-sinh-trung-hoc-pho-thong.htm>)
3. “20 điều giáo viên cần nhớ” do thầy Hiệu trưởng Trường THCS Phước Đông, Cần Đước, Long An sưu tầm và giới thiệu.
4. Một số vấn đề về đạo đức, giảng dạy và giáo dục, đạo đức ở trường THPT. PTS. Phạm Khắc Chương – Bộ Giáo dục và Đào tạo, vụ giáo viên 1995
5. Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THPT – PGS. TS Hà Nhật Thăng , NXB Giáo dục 2009.
6. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng – TS Nguyễn Ngọc Ân, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2011.
7. Tâm lý phát triển của học sinh và những bài học kinh nghiệm từ thực tế - Th.s Nguyễn Thị Thơ, NXB Lao động 2012.
8. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm – Lê Văn Hồng, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2009.
9. Thông tư 58/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT.